TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/KDTM-ST
Ngày: 30/6/2026
"V/v Tranh chấp về hợp đồng thuê tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng.
Bà Phạm Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Phạm Minh Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2026/TLST-KDTM ngày 10/02/2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXXST-KDTM, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2026/QĐST-KDTM ngày 08/6/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ L. Mã số thuế: 0310604xxx.

Địa chỉ trụ sở: Số 14, đường số xx, khu phố xx, phường H, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 465A, khu phố N, phường LT, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Uyên N1 – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thanh L2 – Nhân viên. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ T. Mã số thuế: 0801251xxx.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 2, số 33, phố B, phường P, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T1 – Chức vụ: Giám đốc; địa chỉ thường trú: số nhà 122/120, phố CL, phường TĐ, thành phố Hải Phòng; nơi ở: số 33, phố B, phường P, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ L trình bày:

Ngày 23/3/2022, Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ L (sau đây viết tắt là Công ty L) và Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ T (sau đây viết tắt là Công ty T) ký kết Hợp đồng thuê xe nâng số 2200095/HGL-TT với nội dung Công ty L cho Công ty T thuê 01 xe nâng hàng để sử dụng trong vòng 24 tháng, phí thuê xe được thanh toán hàng tháng với giá 18.000.000đ/tháng, chưa bao gồm thuế GTGT. Để thực hiện hợp đồng, Công ty T đã đặt cọc cho Công ty L số tiền 39.600.000đ và Công ty L đã giao xe nâng STT 263 cho Công ty T sử dụng.

Đến tháng 10/2022, hai bên ký kết Phụ lục 01 của Hợp đồng để thay đổi tài sản thuê: đổi từ xe nâng STT 263 thành xe nâng STT 910 với giá thuê không đổi, Công ty L đã giao đổi xe theo Phụ lục 01 để Công ty T tiếp tục thuê. Hàng tháng, hai bên ký Bảng xác nhận tình hình hoạt động thuê xe nâng để làm căn cứ xuất hóa đơn và thanh toán. Tháng 09/2023, hai bên tiền hành đối chiếu xác nhận công nợ mà Công ty T chưa thanh toán cho Công ty L tính tới ngày 15/9/2023 là 163.980.000đ.

Công ty T sử dụng xe nâng thuê đến ngày 21/11/2023 thì Công ty L thu hồi xe về sau khi hai bên đã thống nhất qua email về việc Công ty T thông báo trả xe trước hạn hợp đồng, vì vậy đã phát sinh thêm tiền thuê xe từ tháng 9/2023 đến tháng 11/2023 là: 58.320.000đ. Căn cứ theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng, nếu Công ty T chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì số ngày sử dụng xe chưa tròn tháng cũng sẽ được tính tròn một tháng nên phí thuê xe nâng tháng 11/2023 vẫn được tính tròn tháng. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 6 của hợp đồng: Công ty T chấm dứt hợp đồng trước hạn thì phải thanh toán thêm cho Công ty L số tiền bằng phí thuê xe 01 tháng (bao gồm thuế GTGT) là 19.440.000đ.

Ngày 31/12/2023, Công ty T gửi cho Công ty L thư đề nghị với nội dung xin giãn thời gian thanh toán, công ty T sẽ thanh toán sau 30 ngày tính từ ngày công văn được gửi cho Công ty L nhưng đến nay, Công ty T vẫn chưa hoàn tất thanh toán cho Công ty L. Vì vậy, Công ty L khởi kiện đề nghị Toà án buộc Công ty T thanh toán ngay một lần cho Công ty L số tiền thuê xe còn nợ sau khi

trừ tiền đặt cọc là 182.700.000đ, tiền phạt do chấm dứt hợp đồng trước hạn là 19.440.000đ.

Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Công ty T đã thanh toán trả cho Công ty L số tiền 100.000.000đ. Do vậy, Công ty L đề nghị Toà án buộc Công ty T thanh toán cho Công ty L số tiền thuê xe còn nợ sau khi trừ tiền đặt cọc là 82.700.000đ, tiền phạt do chấm dứt hợp đồng trước hạn là 19.440.000đ, tổng là 102.140.000đ.

Ông Trần Văn T1 là người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty T trình bày: Năm 2022, Công ty T thuê của Công ty L 01 xe nâng, thời hạn 24 tháng, tiền thuê xe là 18.000.000đ/tháng. Quá trình thuê có 01 lần xe do công ty L cho thuê bị lỗi nên Công ty T dừng hoạt động mấy ngày để đổi xe, ông không nhớ số hiệu xe thuê, tuy nhiên hàng tháng hai bên ký biên bản xác nhận tình trạng xe. Do bên đối tác thầu dịch vụ xe nâng của Công ty T ép giá nên Công ty T làm ăn thua lỗ, phải thu hồi xe, dẫn đến việc Công ty T trả lại xe cho Công ty L trước hạn. Năm 2023, Công ty T gửi công văn đến Công ty L đề nghị giãn thời gian thanh toán. Ông xác định hiện nay số nợ của Công ty T đối với Công ty L còn 82.700.000đ và số tiền phạt là 19.440.000đ. Ông đã liên hệ trực tiếp với người đại diện của Công ty L để xin giảm số tiền này. Trường hợp Công ty L không nhất trí giảm tiền phạt, ông nhất trí số nợ còn lại, tiền phạt, tổng là 102.140.000đ, đề nghị được thanh toán trả nợ dần hàng tháng cho Công ty L.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Các đương sự chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 269, 270, 271, khoản 2 Điều 292, Điều 300 Luật thương mại; Điều 472, Điều 473, Điều 474, Điều 481 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty L. Buộc Công ty T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty L số tiền thuê xe nâng còn nợ là 82.700.000đ, tiền phạt do chấm dứt hợp đồng trước hạn là 19.440.000đ; tổng là 102.140.000đ. Về án phí: Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Công ty L khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc Công ty T có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ và phạt hợp đồng phát sinh từ hợp đồng thuê xe nâng giữa hai công ty. Công ty L và Công ty T đều là tổ chức có đăng ký kinh doanh, ký kết, thực hiện hợp đồng đều có mục đích lợi nhuận nên Hội đồng xét xử xác định lại đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng thuê tài sản. Công ty T có địa chỉ trụ sở tại phường P, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.

[1.2] Tại phiên toà, vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, đều có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty L buộc Công ty T thanh toán ngay một lần cho Công ty L số tiền thuê xe còn nợ sau khi trừ tiền đặt cọc là 82.700.000đ, tiền phạt do chấm dứt hợp đồng trước hạn là 19.440.000đ, Hội đồng xét xử thấy:

Hợp đồng thuê xe nâng số 2200095/HGL-TT xác lập ngày 23/3/2022 giữa Công ty L và Công ty T được ký kết trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện của các bên, bảo đảm điều kiện về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên là hợp đồng hợp pháp, có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

Công ty L và công ty T đều thống nhất xác định Công ty T còn nợ số tiền thuê xe nâng là 82.700.000đ, tiền phạt do chấm dứt hợp đồng trước hạn là 19.440.000đ; tổng là 102.140.000đ. Công ty T đồng ý trả số tiền trên nhưng đề nghị được thanh toán trả nợ dần hàng tháng, Công ty L không đồng ý. Do vậy, cần buộc Công ty T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 102.140.000đ cho Công ty L.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 269, 270, 271, khoản 2 Điều 292, Điều 300 Luật thương mại; Điều 472, Điều 473, Điều 474, Điều 481 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ L. Buộc Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty L số tiền thuê xe nâng còn nợ là 82.700.000đ, tiền phạt do chấm dứt hợp đồng trước hạn là 19.440.000đ, tổng là 102.140.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.107.000đ. Hoàn trả Công ty L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.100.000đ tại Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E, số 0001898 ngày 10/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố

Hải Phòng (do ông Trần Văn P nộp thay).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 – Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh